

Bản án số: 353/2025/HS-PT

Ngày: 19 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Toàn

Ông Cao Văn Tám

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Như Lạc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 210/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Phúc N, do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Bị cáo bị kháng cáo:** Nguyễn Phúc N (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 5 năm 1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Căn cước công dân số: 066086006754 cấp ngày 01/12/2023; Nơi đăng ký thường trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1961; Gia đình có 07 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Có vợ tên Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và Bùi Thị H, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006 và nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 28/01/2021, bị Toà án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Dâm ô với người dưới 16 tuổi”, ngày 28/11/2023, Nguyễn Phúc N chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 23/01/2024, chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 213/LTG-CSHS-Đ1 ngày 29/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt);

- *Người bào chữa theo chỉ định của bị cáo N*: Luật sư Trịnh Đình V1 – Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1985 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1948 (có mặt);

Địa chỉ: Xóm G, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện uỷ quyền của bà C: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Số H, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(văn bản uỷ quyền ngày 26/01/2024)

(Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 21/01/2024, Nguyễn Phúc N hẹn chị Bùi Thị H, sinh năm 1985, nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vợ cũ đã ly hôn) đi uống cà phê với mục đích để nói lại quan hệ tình cảm vợ chồng sau thời gian N đi chấp hành án phạt tù thì chị H đồng ý. Sáng ngày 22/01/2024, sau khi N và chị H đi ăn sáng uống cà phê xong thì N và chị H cùng về phòng trọ của N để nằm nghỉ ngơi và trò chuyện. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, chị H nói với N là chị H chỉ muốn làm bạn tri kỷ với N và N trả lời “Chỉ cần em và con vui vẻ thì làm bạn cũng được”. Sau đó, chị H kể cho N nghe về việc trong thời gian N đi chấp hành án phạt tù thì chị H có quan hệ tình cảm với nhiều người đàn ông khác để kiếm tiền nên giữa N và chị H xảy ra mâu thuẫn. N đang ngồi phía sau lưng chị H nên dùng khuỷu tay phải quàng từ sau về trước qua cổ chị H và siết chặt cho đến khi chị H nằm bất động thì N mới buông chị H ra và để cho chị H nằm xuống chiếu.

Khi biết chị H đã chết, N nảy sinh ý định tự tử nên N đi bộ ra trước cổng dãy trọ và ghé tiệm tạp hoá của anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai mua 07 lon bia về uống để lấy động lực tự tử nhưng vẫn không dám tự tử, sau đó N tiếp tục đi ra ngoài mua thêm 04 lon bia nữa về uống. Đến khoảng 18 giờ 45 phút cùng ngày, sau khi uống bia xong thì N nhắn tin zalo cho anh ruột là Nguyễn Phúc H1, sinh năm 1984, nơi cư trú: A, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với nội dung “Anh 3, e xin lỗi. Ba mẹ con xin lỗi. Con là đứa con bất hiếu ích kỷ. Cho em xin lỗi tất cả những người yêu thương em. Em tính dặt Carot theo. Nhưng thôi có gì a và mọi người cố gắng yêu thương lo lắng cho cháu giúp em, em lụy tình quá anh ơi, yêu vợ em nhiều quá. Chỉ có cách này em mới ở được bên vợ em thôi. Cho em xin lỗi về tất cả. Khi nhận được tin nhắn này em và vợ em đã đi xa rồi. Con xin lỗi ba mẹ, xin lỗi tất cả mọi người, con sẽ phù hộ cho mọi

người”. Sau khi nhắn tin cho anh H1 xong, N lấy một sợi dây vải thun màu đen trong cốp xe mô tô buộc một đầu vào song sắt cửa sổ để treo cổ tự tử nhưng khi mới treo lên thì dây bị đứt. N tiếp tục lấy 01 con dao (loại dao Thái Lan) ở khu vực bếp cắt cổ tay trái để tự tử rồi nằm xuống nền nhà bất tỉnh cho đến khi anh H1 và hàng xóm phát hiện đưa đi cấp cứu. Đến sáng ngày 23/01/2024, Nguyễn Phúc N đến Công an phường T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

2. Vật chứng:

- 01 con dao Thái Lan kích thước dài 21,5cm, bản rộng 1,8cm.
- 01 điện thoại Iphone 6S màu bạc, số seri: FK1QFNRP GPY5; 01 quần dài màu đen, 01 áo thun màu xanh; 01 xe mô tô biển số 47M1-544.61 của Nguyễn Phúc N.
- 01 túi xách nữ màu nâu, 01 bóp da nam.
- 02 gối đầu, 01 chiếc chiếu, 02 gối ôm; 02 cái mền.
- 01 (một) đoạn dây màu đen dài 2,5 m.
- 11 lon bia gồm 09 lon nhãn hiệu Tiger và 02 lon nhãn hiệu Saigon.

3. Biên bản khám nghiệm hiện trường và Kết luận giám định:

3.1. Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/01/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ thể hiện:

Hiện trường tiến hành khám nghiệm là tại phòng trọ ở Số A, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3.2. Tại Bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số 203/KL-KTHS ngày 11/3/2024 của Phòng K (PC09) Công an tỉnh Đ kết luận nguyên nhân tử vong của chị Bùi Thị H như sau:

+ Các kết quả chính: Bên ngoài thấy da vùng mặt xuất huyết có màu tím nhạt, kết mạc mắt xuất huyết. Giải phẫu niêm mạc màn hầu xuất huyết, hai phổi xuất huyết, cắt qua nhu mô có dịch màu đỏ thẫm, tim - gan - thận xuất huyết. Kết quả mô bệnh học: Phù nề, sung huyết nặng ở phổi, các tạng phù nề, sung huyết.

+ Nguyên nhân tử vong: Ngạt cơ học.

+ Cơ chế hình thành thương tích và hung khí gây án: Nạn nhân bị siết vào vùng cổ gây thiếu oxy dẫn tới suy hô hấp và tử vong.

3.3. Tại Kết luận giám định số 1619/KL-KTHS ngày 02/4/2024 của Phân viện Khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vết nâu đỏ trên dao Thái Lan, mẫu thu tại hiện trường và mẫu dính từ bàn tay trái của nạn nhân Bùi Thị H là máu người. Kiểu gen các mẫu máu này trùng với kiểu gen của Nguyễn Phúc N.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện theo pháp luật của bị hại Bùi Thị H yêu cầu bồi thường chi phí mai táng, tổn thất về tinh thần số tiền 70.000.000 đồng. Quá trình điều tra, gia đình bị cáo Nguyễn Phúc N đã bồi thường khắc phục hậu quả được số tiền 40.000.000 đồng.

5. Cáo trạng và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại cáo trạng số 207/CT-VKS-P2 ngày 26/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Phúc N về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm 20/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

1. Tội danh và hình phạt: Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Phúc N phạm tội “Giết người”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phúc N 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 591 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Phúc N phải bồi cho người đại diện hợp pháp bị hại là bà Hồ Thị C (người đại diện uỷ quyền của bà C: Bà Bùi Thị Đ theo văn bản uỷ quyền ngày 26/01/2024) số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/02/2025 bà Hồ Thị C (người đại diện hợp pháp của bị hại) kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hồ Thị C (có bà Bùi Thị Đ là đại diện theo uỷ quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, tại đơn đề nghị xem xét theo thủ tục phúc thẩm ngày 14/5/2025, bà Đ còn yêu cầu Tòa án xem xét về việc yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại với số tiền là 500.000.000 đồng.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp bị hại về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp cho bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tăng hình phạt đối với bị cáo lên mức án cao nhất, bởi: Bị cáo khai rằng diễn biến vụ việc thì bị hại không chống cự, vẫn ngồi im là không đúng; bị hại có kêu cứu, cào cấu gây ra nhiều vết trầy xước trên người bị cáo; bị hại đã chạy vào nhà vệ sinh, đóng cửa nhưng bị cáo vẫn vào để giết bị hại thể hiện việc thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Bị cáo không có đầu thú. Bị cáo vừa chấp hành hình phạt tù vì có hành vi hiếp dâm con riêng của vợ. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tăng bồi thường trách nhiệm dân sự cho gia đình bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Bản án sơ thẩm đã nhận định, đánh giá và áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội. Đối với yêu cầu tăng bồi thường thiệt hại thì đại diện hợp pháp của bị hại không nêu trong đơn kháng cáo và bị cáo không đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện hành vi phạm tội của bị cáo như sau:

Xuất phát từ việc bị cáo Nguyễn Phúc N đi chấp hành án phạt tù nên đã thuận tình ly hôn với chị Bùi Thị H. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo muốn nối lại tình cảm với chị H. Vào khoảng 15 giờ ngày 22/01/2024, tại phòng trọ của bị cáo ở Số A, Khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, khi bị cáo và chị H nói chuyện để hàn gắn tình cảm. Theo lời khai của bị cáo trong khi nói chuyện thì giữa bị cáo và chị H xảy ra mâu thuẫn, nên bị cáo đã dùng tay siết cổ chị Bùi Thị H ngạt thở dẫn đến tử vong. Sau đó, bị cáo tìm cách tự tử nhưng không được.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo về việc giết chị H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Phúc N phạm tội: “Giết người”, theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội.

- Về hình phạt: Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, việc bị cáo đã tước đoạt mạng sống của bị hại đã gây đau thương mất mát rất lớn đến gia đình, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm mục đích giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường số tiền 40.000.000 đồng cho đại diện bị hại, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường 30.000.000 đồng là các tình

tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nhưng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với bị hại là vợ cũ của bị cáo; bản thân bị cáo vừa chấp hành xong hình phạt tù về tội “Dâm ô với người dưới 16 tuổi” mà bị hại trong vụ án này là con riêng của vợ bị cáo. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này thể hiện thái độ xem thường pháp luật, nên cần thiết phải có mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với lần phạm tội này của bị cáo. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nêu trên thì mức hình phạt 20 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là chưa nghiêm khắc, không đáp ứng được tính chất của việc áp dụng hình phạt là giáo dục, cải tạo đối với người phạm tội và phòng ngừa tội phạm cho xã hội. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại về việc tăng hình phạt đối với bị cáo.

[3] Đối với yêu cầu của đại diện hợp pháp của bị hại về phân trách nhiệm dân sự: Nội dung này chỉ được phía bị hại nêu ra tại phiên tòa phúc thẩm, không có trong yêu cầu kháng cáo và bị cáo không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại; Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại Bùi Thị H là bà Hồ Thị C; Sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phúc N phạm tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 39 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phúc N tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

2. Các nội dung và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đồng Nai;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- ĐDBH (1);
- Lưu (5) 16b (Án NThuy).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên